

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HS-PT
Ngày: 23/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Lâm Đồng

Các Thẩm phán: 1/ Ông Bùi Thanh Quốc

2/ Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 36/2024/TLPT-HS ngày 05 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo Đoàn Hữu V, Trần Quang T, Lê Đức P do có kháng cáo của các bị cáo Đoàn Hữu V, Lê Đức P và bị hại Trần Văn Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2024/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Đoàn Hữu V, sinh năm: 1996 tại Cần Thơ;

Nơi cư trú: Số I T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở: Số C T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Hữu V1 và bà Hồ Thu C; có vợ Nguyễn Hiền T1.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2023 cho đến nay. (Có mặt).

2. Trần Quang T, sinh 1996 tại Cần Thơ;

Nơi cư trú: Số D T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ; chỗ ở: Số F N, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ1 và bà Lê Bích T2.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2023 cho đến nay. (Có mặt).

3. Lê Đức P, sinh năm 1991 tại Bình Phước;

Nơi cư trú: Số A Khu phố B, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Học nghề; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C1 và bà Huỳnh Thị T3; có vợ Nguyễn Thị Huỳnh A và 01 con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/3/2023 đến nay. (Có mặt)

Bị hại có kháng cáo: Trần Văn Đ, sinh năm:1985. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm E, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Hữu V: Luật sư Võ Thanh T4 – Văn phòng Luật sư Võ Thanh T4 thuộc Đoàn Luật sư thành phố C. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Lê Đức P: Luật sư Nguyễn Hữu T5 – Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. (Có mặt)

Trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác, do không có kháng cáo và cũng không liên quan đến việc kháng cáo nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 18/3/2023, anh Trần Văn Đ đi cùng anh Trương Trọng T6 và bạn gái anh T6 là chị Lê Thanh T7 đến quán G, địa chỉ số A - A L, phường C để uống bia; nhóm anh Đ chọn đứng ở bàn bên tay trái theo hướng từ cửa chính đi vào. Đến gần 02 giờ sáng ngày 19/3/2023, do mệt nên chị T7 nói anh T6 và anh Đ đi về, anh Đ nói chị T7 về trước, anh Đ và T6 sẽ về sau, do âm thanh của nhạc lớn và ồn nên anh Đ nói lớn tiếng và dùng tay đẩy để chị T7 về trước; lúc này nhóm Đoàn Hữu V, Trần Quang T và Lê Đức P ngồi ở bàn bên trong (cách nhóm anh Đ 02 bàn), nhìn thấy anh Đ lớn tiếng và đẩy chị T7, cho rằng anh Đ có hành vi bạo lực với phụ nữ nên V nói với T và P “Chắc lát tui qua búp nó luôn quá”, T trả lời: “Ai biết bạn! búp thì búp”, P nghe nhưng không có phản ứng. Thuấn dứt lời, V nói T thanh toán tiền, V đưa túi đeo của mình cho P đeo vào người, T và P biết V sẽ qua đánh anh Đ nên cả hai đi theo ngay phía sau Viễn. V đi đến chỗ anh Đ đứng dùng khuỷu tay phải thúc và dùng tay đâm vào vùng mặt của anh Đ 03 cái, bị đánh bất ngờ nên anh Đ loạng choạng, lúc

này có nhân viên quán đến can ngăn V, thấy V bị nhân viên quán ngăn cản, T đứng đối diện anh Đ lấy ly thủy tinh uống bia ném mạnh trúng vào vùng mặt của anh Đ gây chảy máu, anh Đ dùng tay ôm mặt, liền lúc này, P đi tới dùng tay phải đấm vào mặt của anh Đ thêm 01 cái, rồi cả nhóm rời khỏi quán đi về. Anh Đ được đưa vào bệnh viện Đ2 cấp cứu, do mắt trái bị tổn thương nặng, anh Đ được chuyển đến Bệnh viện Mắt thành phố H để tiếp tục điều trị đến ngày 24/3/2023 xuất viện. Anh Đ có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận N đã tiến hành trích xuất camrera của quán G, thu giữ 04 đoạn video ghi diễn biến hành vi của các bị can lưu vào 01 đĩa DVD, đồng thời trưng cầu giám định thương tích của anh Trần Văn Đ. Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 148/KLTTCT - TTPYCT, ngày 30/3/2023 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở y tế thành phố C, kết luận:

- 05 vết thương vùng trán và 01 vết thương dưới mi mắt phải đã được điều trị, hiện tại các vết thương đã và đang lành, không ảnh hưởng chức năng, ghi nhận dị vật dưới da vùng trán trên CT-Scan sọ não.

- Chấn thương mắt trái gây sung huyết kết mạc, rách giác mạc, vỡ thủy tinh thể đã được điều trị. Hiện tại thị lực sau chỉnh kính: mắt trái BBT 0,3m, mắt phải 10/10.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho anh Trần Văn Đ là 47%. Cơ chế hình thành vết thương: Các vết thương vùng trán và vết thương dưới mi mắt phải phù hợp với cơ chế do vật có cạnh sắc gây ra. Chấn thương vùng mắt trái phù hợp với cơ chế do vật tày gây ra.

Tại Cơ quan điều tra, Đoàn Hữu V, Trần Quang T và Lê Đức P khai nhận không quen biết và không có mâu thuẫn với bị hại, do khi thấy anh Đ lớn tiếng và có hành động đẩy chị T7, nên V hiểu nhầm anh Đ hành hung chị T7 nên đã nói T và P cùng đánh anh Đ. Khi nghe V rú, T và P đều đồng ý; V, T và P đã dùng khủy tay, tay đấm và dùng ly thủy tinh ném vào vùng mặt anh Đ gây thương tích trên.

Về trách nhiệm dân sự: Trần Văn Đ và gia đình các bị cáo đã tự thỏa thuận số tiền điều trị thương tích cho anh Đ là 200.000.000 đồng, anh Đ có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, khắc phục hậu quả đầy đủ theo yêu cầu của bị hại, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định. Tình tiết tăng nặng: không. Về nhân thân: các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Tại bản án hình sự số 04/2024/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ đã quyết định:

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, Điều 17, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Hữu V 05 (năm) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 21/3/2023.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, Điều 17, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Quang T 05 (năm) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 21/3/2023.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, Điều 17, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Đức P 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 23/3/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 30/01/2024, các bị cáo Đoàn Hữu V và Lê Đức P có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt; bị hại Trần Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đoàn Hữu V, Trần Quang T và Lê Đức P vẫn giữ yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt do hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong sớm hòa nhập cộng đồng để có điều kiện lao động giúp đỡ cho gia đình.

Bị hại Trần Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ quan điểm mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Phát biểu bào chữa cho bị cáo V – Luật sư Võ Thanh T4 phát biểu: Thừa nhận việc các bị cáo T, P có sự tiếp nhận ý chí của bị cáo V dẫn đến các bị cáo có hành vi manh động nhưng không thể cho rằng bị cáo V rủ rê bị cáo T và P. Việc cho rằng bị cáo V chủ mưu cầm đầu là không có căn cứ. Các bị cáo đều thừa nhận hành vi là vượt quá nhưng không thể truy tố các bị cáo với tình tiết có tính chất côn đồ. Thống nhất việc Cơ quan tố tụng truy tố bị cáo V và các bị cáo khác phạm tội “Cố ý gây thương tích” nhưng việc truy tố các bị cáo ở điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hạ khung hình phạt đối với bị cáo V và các bị cáo khác theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự trên cơ sở xem xét yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị hại đối với các bị cáo để, tuyên mức hình phạt từ 2 năm đến 3 năm tù đối với bị cáo V cũng đảm bảo được tính răn đe của pháp luật.

Phát biểu bào chữa cho bị cáo P – Luật sư Nguyễn Hữu T5 phát biểu: Bị cáo P và các bị cáo khác không quanh co chối tội, chỉ nêu lại diễn biến sự việc dẫn đến hành vi phạm tội. Bị cáo có 06 tình tiết giảm nhẹ và đồng thời bị hại cũng đã có đơn yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo P phạm tội với vai trò không đáng kể, không có tính chất côn đồ, đủ điều kiện để quyết định áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo hoặc khi lượng hình, xem xét hành vi của bị cáo có thể áp dụng Điều 59 Bộ luật hình sự để miễn hình phạt đối với bị cáo P. Với tình tiết phạm tội, nhận thức và tuổi đời của bị cáo P, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo P và các bị cáo khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa nhận định: Tại giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo, bị hại kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu nào khác hoặc tình tiết mới có ý nghĩa để làm căn cứ xem xét. Đối với yêu cầu của bị hại xin giám định lại tỷ lệ thương tích, xét thấy trong quá trình điều tra, bị hại đã được cơ quan điều tra thông báo kết quả giám định thương tích, bị hại thống nhất không có ý kiến gì. Xét thấy sự việc xảy ra đã lâu, thương tích của bị hại hiện đang dần hồi phục, do đó việc giám định lại là không có cơ sở, không đảm bảo tính khách quan trong vụ án. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Giữ nguyên tội danh, hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên, ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng bổ sung Điều 38 Bộ luật hình sự trong phần căn cứ của bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo, bị hại làm đơn kháng cáo đúng quy định về hình thức và thời hạn nên yêu cầu kháng cáo được xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đoàn Hữu V, Trần Quang T, Lê Đức P thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ thu thập trong quá trình tố tụng. Chỉ vì nguyên nhân hiểu lầm về thái độ của Trần Văn Đ lớn tiếng và có hành động xô đẩy đối với Lê Thanh T7 tại quán G trên đường L vào đêm 18/3/2023 rạng sáng ngày 19/3/2023. Khi V lên tiếng thì T và P đều đồng ý; V và T đi đến bàn nhậu của Đ, V lao vào dùng khuỷu tay phải đánh (đánh trỏ) vào mặt Đ 01 cái và dùng tay nắm 02 cái vào mặt bên trái của Đ. Thuấn thì cầm ly uống bia (ly thủy tinh) ném vào mặt Đ gây thương tích. Đối với Lê Đức P, sau khi V lên tiếng đánh Đ, P im lặng không có ý kiến gì và sau đó vào nhà vệ sinh P khuyên can V đừng đánh bị hại, tuy nhiên, khi V dùng tay đánh Đ, T dùng ly ném vào mặt Đ, thì P

đi tới dùng tay phải đánh trúng vào tay Đ 01 cái. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho bị hại Trần Văn Đ là 47%. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Xét đơn kháng cáo của bị hại: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại có đơn kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; đơn yêu cầu giám định lại thương tích. Xét thấy trong quá trình tố tụng, các bị cáo, bị hại đều thống nhất kết luận giám định về thương tích của bị hại. Không có căn cứ cho rằng việc giám định là không khách quan, hơn nữa tại thời điểm hiện tại, đã qua một quá trình điều trị, thương tích đã ổn định, việc giám định lại thương tích không thể hiện được tính khách quan của vụ án. Vì vậy, yêu cầu giám định lại thương tích của bị hại là chưa phù hợp nên không chấp nhận. Bị hại kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho các bị cáo vì thương tích đã dần hồi phục và các bị cáo cũng đã ăn năn hối hận về hành vi sai trái. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tuyên phạt các bị cáo với mức hình phạt như bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Do đó, kháng cáo của bị hại là chưa có căn cứ nên không chấp nhận.

[4] Xét đơn kháng cáo của bị cáo Đoàn Hữu V, Lê Đức P: Các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình xâm phạm đến sức khỏe của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp pháp luật, hậu quả xảy ra và cố ý thực hiện. Các bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn từ trước, nhưng nguyên nhân chỉ vì hiểu lầm về cách hành xử của bị hại đối với T7 mà các bị cáo đã có hành động gây thương tích cho bị hại. Đối với bị cáo P, tuy lúc đầu có khuyên ngăn Viễn đừng đánh bị hại nhưng cuối cùng vẫn tham gia đánh bị hại nên phải chịu trách nhiệm cùng với bị cáo V và bị cáo T về hành vi gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ 47%. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính chất, mức độ thực hiện hành vi các bị cáo đã thực hiện. Xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như nhân thân của từng bị cáo. Đối với bị cáo P, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc xem xét về mức độ, hành vi của bị cáo là thứ yếu nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự là đã cân nhắc khi áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo. Mức hình phạt đã tuyên đối với các bị cáo không nặng, có sự phân hóa trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt nên thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát, giữ y Bản án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên mức hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo nhưng quyết định hình phạt không áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự là còn thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên chấp nhận;

[6] Lời bào chữa của các Luật sư được Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình nghị án;

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo Đoàn Hữu V, Lê Đức P không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định; bị cáo Trần Quang T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đoàn Hữu V, Lê Đức P;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Văn Đ;

Giữ y Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2024/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

1/ Tuyên bố: Các bị cáo **Đoàn Hữu V, Trần Quang T, Lê Đức P** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2/ Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đoàn Hữu V, Trần Quang T.

- Xử phạt bị cáo **Đoàn Hữu V** 05 (năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 21/3/2023.

- Xử phạt bị cáo **Trần Quang T** 05 (năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 21/3/2023.

3/ Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Lê Đức P** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 23/3/2023.

4/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

5/ Về phần án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đoàn Hữu V, Lê Đức P phải chịu 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Trần Quang T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị hại Trần Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- Cơ quan tố tụng Q. Ninh Kiều;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Lâm Đồng

